

**HÀNH ĐỘNG NGÔN NGỮ XÁC TÍN
QUA CÂU HỎI TỰ TỬ TRONG THƠ CHẾ LAN VIÊN**

**THE ASSERTIVE SPEECH ACTS IN RHETORICAL QUESTION
IN CHE LAN VIEN'S POETRY**

PHẠM THỊ NHƯ HOA

(NCS; Học viện KHXH, Viện Hàn lâm KHXH VN)

Abstract: Our article is aimed at finding out the fact that the assertive activities in rhetorical questions in Che Lan Vien's poetry strongly expresses the belief as well as the diversified emotional states of the speakers - characters. The assertive content was conducted by the author with the high responsibility through two main actions: asking-affirming and asking-negating. Based on the major theories for speech acts such as conversational theories (including conversational rules, etiquettes), theories of implicated meaning and based on analytical methods, we further classify assertive used in rhetorical questions in Che Lan Vien's poetry into smaller sub-categories as follows: asking-affirming-praising; asking-affirming-philosophizing; asking-affirming-regretting; asking-negating-compassionating; asking-negating-praising; asking-negating-lamenting; asking-negating-blaming. These sub-categories have been used indirectly in rhetorical questions. It is the delicate and effective way to communicate in any situation, through which readers and listeners are more easily convinced.

Key words: rhetorical questions; assertives; asking-affirming act; asking-negating act.

1. Mở đầu

Xác tín nghĩa là xác nhận một điều nào đó đúng đắn đáng tin cậy. Mệnh đề thực hiện hành vi ngôn ngữ này có thể đánh giá theo tiêu chuẩn logic đúng- sai. Tuy nhiên trong cuộc sống nhiều khi nội dung xác tín lại không được thực hiện bằng các hành vi xác tín trực tiếp như: *bổ sung, nhận xét, khẳng định, phủ định* ...mà lại được thực hiện bằng các hành động khác như *hành động hỏi, hành động biểu cảm*...

Trong thơ Chế Lan Viên có một lượng lớn câu hỏi tu từ (CHTT) thực hiện hành động xác tín, nghĩa là gián tiếp xác nhận sự tình mà chủ thể phát ngôn cho là đúng đắn, đáng tin cậy qua hành động hỏi. Vấn đề đặt ra ở đây là tại sao hành động xác tín không được thực hiện trực tiếp? Xét các ví dụ sau:

(1) *Anh ấy không đến.*

(2) *Anh ấy không đến ư?*

Cả hai phát ngôn đều có chung đích ở lời là xác nhận sự tình: *anh ấy không đến*. Tuy nhiên ở phát ngôn (1) hành động xác tín được thực hiện một cách trực tiếp còn ở phát ngôn (2) được thực hiện gián tiếp qua hành động hỏi. Tuy nhiên ngoài hành vi xác tín, ta thấy ở ví dụ 2 còn thực hiện hành vi bộc lộ cảm xúc: thái độ ngạc nhiên, bất ngờ của chủ thể phát ngôn. Trong thơ ca, yếu tố cảm xúc được đặc biệt coi trọng, nên phần lớn nội dung xác tín được thực hiện dưới dạng gián tiếp qua câu hỏi tu từ. Mặt khác khi hành động hỏi gián tiếp xuất hiện trong

thơ dưới dạng câu hỏi tu từ nó sẽ tạo nên tính đối thoại và khách quan, tránh cho thơ lỗi mòn một giọng điệu, xuôi chiều.

Trong bài này chúng tôi sẽ đi vào hai dạng thức tiêu biểu của hành động xác tín thực hiện qua câu hỏi tu từ thơ Chế Lan Viên là: *hành động hỏi- khẳng định* và *hành động hỏi - phủ định*. Đây là hai dạng thức hành động xác tín đòi hỏi trách nhiệm cao của chủ thể phát ngôn với nội dung mà mình xác tín. Ở mỗi dạng thức, chúng tôi lại tiếp tục phân chia thành các nhóm hành vi tiểu loại nhỏ hơn với mong muốn tiếp cận tới gần nhất đích ngôn trung đích thực của hành động hỏi được biểu đạt qua câu hỏi tu từ trong một dạng văn bản đặc trưng bởi tính hàm súc đa nghĩa là thơ ca.

Khảo sát hành động ngôn ngữ xác tín được thực hiện qua CHTT trong thơ Chế Lan Viên trong các tập thơ cho thấy, hành động hỏi – phủ định được thực hiện nhiều nhất ở câu hỏi tu từ của tập thơ *Điều tàn* (12 câu – 22%) và ít nhất ở tập *Ánh sáng phù sa* (2 câu- 3%); hành động hỏi- khẳng định được thực hiện nhiều nhất qua câu hỏi tu từ ở tập *Hoa ngày thường - chim báo bão* (40 câu - 80%). Từ góc độ không gian và thời gian sáng tác của mỗi tập thơ cho thấy, hoàn cảnh xã hội, hoàn cảnh cá nhân chi phối rõ hành động ngôn ngữ: con người có xu hướng khẳng định khi lạc quan và phủ định khi bi quan bế tắc (*Điều tàn* sáng tác trong giai đoạn đất nước tăm tối lắm than dưới gót giày thực dân,

bản thân nhà thơ còn bế tắc trong hướng đi và lí tưởng sống; *Ánh sáng phù sa* sáng tác trong giai đoạn hồi sinh của đất nước và cá nhân nhà thơ; *Hoa ngày thường* - *chim báo bão* sáng tác trong giai đoạn cả đất nước hợp nhất trong sức mạnh sục sôi chống Mỹ ở miền Nam và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đây cũng là giai đoạn thăng hoa trong nghệ thuật của nhà thơ).

2. Các dạng câu hỏi tu từ trong thơ Chế Lan Viên

2.1. Các kiểu hành động hỏi - khẳng định được thực hiện bằng câu hỏi tu từ trong thơ Chế Lan Viên

Khẳng định là “*thừa nhận là có, là đúng, trái với phủ định*” (29, tr. 495). Trong thơ Chế Lan Viên, một số lượng lớn CHTT được dùng để thực hiện hành động *khẳng định*. Tuy nhiên, đằng sau hành động khẳng định, các CHTT còn thực hiện hành động bộc lộ cảm xúc với các trạng thái tình cảm khác nhau. Sau quá trình thống kê, phân tích chúng tôi tạm chia nhóm CHTT thực hiện hành động khẳng định thành các nhóm nhỏ sau: *Hỏi - khẳng định - ngợi ca*; *Hỏi - khẳng định - triết lí*; *Hỏi - khẳng định - hối tiếc*. Trong khuôn khổ bài tạp chí, chúng tôi không thể phân tích hết các kiểu hành động hỏi - khẳng định bằng CHTT trong thơ Chế Lan Viên, chỉ xin đi sâu vào 3 nhóm trên.

2.1.1. Hỏi-khẳng định-ngợi ca

Ngợi ca là âm hưởng nổi trội trong thơ Chế Lan Viên giai đoạn 1945 - 1975. Hồn thơ đau thương trong thuở *Điều tàn giờ được “ánh sáng”* của Đảng soi rọi, “*phù sa*” nhân dân bồi đắp nên có nhu cầu khẳng định - ngợi ca cuộc sống mới.

Đề tài ngợi ca trong thơ Chế Lan Viên rất đa dạng phong phú. Dùng CHTT để ngợi ca, Chế Lan Viên đặc biệt thành công khi viết về lãnh tụ Hồ Chí Minh - “*người thay đổi đời tôi, người thay đổi thơ tôi*”. Hình tượng vị lãnh tụ kính yêu được tác giả ca ngợi dưới nhiều góc độ. Có khi đó là sự ca ngợi về những gian khó hi sinh của Bác trên chặng đường cứu nước. Ví dụ: *Có nhớ chăng gió rét thành Ba Lê/Một viên gạch hồng Bác chống lại cả mùa băng giá/Và sương*

mù thành Luân Đôn người có nhớ/Giọt mồ hôi Người nhỏ giữa đêm khuya? (6, 253).

Cấu trúc mô hình *Có p chẳng* thường bộc lộ hàm ý khẳng định gợi nhắc: *Có p*. Vì thế câu hỏi tu từ ở đây đã bộc lộ hàm ý khẳng định: Gió rét, sương mù thành Ba Lê, Luân Đôn còn nhớ những gian khó mà Bác đã trải qua. Khẳng định những chi tiết có thật, nhà thơ đồng thời bộc lộ cảm xúc *ngợi ca* về công lao và đức hi sinh của Bác Hồ: *Trên chặng đường cứu nước, Người đã vượt qua mọi khó khăn để đạt tới lí tưởng, để tìm ra hướng đi cho dân tộc*. Ngoài ra mượn lời đối thoại gợi nhắc với *sương mù, gió rét*...những hình ảnh tiêu biểu cho hoàn cảnh sống khắc nghiệt, tác giả muốn dường như nhấn nhủ tới người đọc trách nhiệm phải ghi nhớ, biết ơn công lao vĩ đại của Người, những sự vật vô hình như gió rét, sương mù còn khắc ghi, lẽ nào con người lại có thể quên?

Hình tượng tổ quốc cũng đem lại cảm hứng dạt dào cho sáng tác của Chế Lan Viên. Câu hỏi tu từ một lần nữa góp phần tích cực trong việc biểu đạt cảm xúc của nhà thơ: *Hỡi sông Hồng tiếng hát bốn nghìn năm/ Tổ quốc có bao giờ đẹp thế này chăng?* (6, 354).

Mô hình câu trúc: *bao giờ p thế này chẳng* luôn có hàm ý khẳng định: *chưa bao giờ p như thế này*. Vì thế câu hỏi tu từ ở đây đã mang hàm ý khẳng định: *Tổ Quốc chưa bao giờ đẹp như thế này = Tổ Quốc bây giờ là đẹp nhất*. Sự khẳng định này càng thêm chắc chắn khi xét các câu thơ phía sau của câu hỏi tu từ. Ví dụ:

Chưa đâu! Và ngay cả trong những ngày đẹp nhất/ Khi Nguyễn Trãi làm thơ và đánh giặc/ Nguyễn Du viết Kiều, đất nước hoá thành văn/ Khi Nguyễn Huệ cười voi vào cửa Bắc/ Hưng Đạo diệt quân Nguyên trên sông Bạch Đằng/ Những ngày tôi sống đây là những ngày đẹp hơn tất cả/ Dù mai sau đời muôn vạn lần hơn.

Lấy chiều dài lịch sử để đo tầm vóc của Tổ quốc, so sánh với cả quá khứ và tương lai, hành động khẳng định vẻ đẹp của Tổ quốc trong thực tế chiến đấu hi sinh đã trở thành lời *ngợi ca* về đẹp tuyệt đối của đất nước trong thời điểm hiện tại đồng thời bộc lộ cảm xúc tự hào, hãnh diện về vẻ đẹp của đất nước trong thời đại Hồ Chí

Minh. Sự ngợi ca này ít nhiều mang màu sắc chủ quan nhưng xét trên một ngữ cảnh rộng, tức là xét từ bản thân nhà thơ và nhân tố thời đại thì nó vô cùng chân thành. Một hồn thơ vốn luôn bị ám ảnh bởi “*những tháp chàm lở lói rỉ rên than*”, những “*bóng ma hờ*” và *xương khô, pháp trường, đầu lâu...* thì đất nước trong thời điểm hiện tại quả là rực rỡ huy hoàng nhất. Mặt khác, lời ngợi ca tổ quốc của Chế Lan Viên mang hơi thở chung của thời đại lịch sử lúc bấy giờ: khí thế hào hùng sục sôi của dân tộc trong những năm tháng chiến đấu chiến thắng giặc Mỹ xâm lược dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng.

Vấn đề đặt ra ở đây là tại sao tác giả không thực hiện trực tiếp hành động khẳng định ngợi ca tự hào mà phải bọc lộ qua hành động hỏi? Rõ ràng qua hành động hỏi ta thấy hàm ý khẳng định vừa mang sức mạnh tuyệt đối vừa có tính khách quan đồng thời dễ dàng cộng hưởng lan tỏa tới độc giả.

Tóm lại hành động *khẳng định - ngợi ca* là gam màu chủ đạo trong thơ Chế Lan Viên được thực hiện qua CHTT. Tuy nhiên, khi sử dụng CHTT là nhà thơ đã để lại một tiếng nói khẳng định khách quan và lời ngợi ca chân thành tế nhị sâu sắc, vì thế mà nó đến với người đọc một cách nhuần nhị, sâu sắc.

2.1.2. Hỏi-khẳng định-triết lí

Chế Lan Viên là nhà thơ giàu suy tưởng và chất triết lí. Có lẽ chất trí tuệ và sự sắc sảo đã giúp ông không ngừng tìm mối liên hệ và khái quát các sự vật, sự việc nâng chúng lên thành một tư tưởng, một lẽ đời. Hành vi hỏi - khẳng định - triết lí khác với dạng hành động hỏi - phỏng đoán - triết lí là giá trị khẳng định lớn, người viết hầu như tuyệt đối tin vào điều mình xác tín, từ đó nâng điều khẳng định lên tầm triết lí.

CHTT giúp nhà thơ trong việc thực hiện hành động triết lí một cách tự nhiên, gần gũi. Tuy nhiên điều đáng nói là hành động triết lí được thực hiện qua câu hỏi tu từ nên có tính tranh biện cao chứ không đơn giản, xuôi chiều. Ví dụ:

Nhớ bản sương giăng, nhớ đèo mây phủ/ Nơi nào qua lòng lại chẳng yêu thương?/ Khi ta ở

chỉ là nơi đất ở/ Khi ta đi đất bỗng hoá tâm hồn! (6, 191).

Mô hình *a* nào lại chẳng *b* (ót nào mà ót chẳng cay) luôn hướng tới hàm ý khẳng định: *a* chắc chắn *b* (ót chắc chắn cay). Câu hỏi tu từ lúc này hướng tới hàm ý khẳng định: mảnh đất nào người đi qua chắc chắn lòng cũng mang nặng yêu thương. Đặt câu hỏi tu từ trong ngữ cảnh rộng (trong những năm tháng kháng chiến, Chế Lan Viên theo tiếng gọi về nguồn đã có cơ hội làm việc và gắn bó với nhiều vùng đất mới, con người mới, tất cả đã để lại cho ông tình cảm thiêng liêng cao đẹp) và ngữ cảnh hẹp là 2 câu thơ với cấu trúc điều kiện- hệ quả phía dưới (*ta ở--> đất ở, ta đi--> đất hóa tâm hồn, đất đai là tâm hồn máu thịt của của chúng ta*) thì hành động hỏi ở đây còn bọc lộ hàm ý khẳng định nổi nhớ và tình yêu mãnh liệt với những mảnh đất đã đi qua đồng thời triết lí về *sức mạnh của tình yêu có thể chuyển hoá biến đổi vạn vật vô tri* qua đó thể hiện lộ sự gắn bó yêu thương với quê hương đất nước

Chế Lan Viên cũng là người hay triết lí về nghề thơ, nghiệp thơ. Ví dụ:

Ngư Lang chỉ cần một cái bến con, anh cần cả dải Ngân Hà/ Anh đi dọc nó để tìm thơ chứ không phải bơi ngang tìm Chức Nữ/ Thời hạn đi tìm của anh hết rồi mà bờ bến tí mù xa/ Nhưng dừng lại anh đâu còn anh nữa? (7, 595)

Câu hỏi có cấu trúc tam đoạn luận như sau: Đại tiền đề là “lẽ thường” trong sáng tạo nghệ thuật: Nếu dừng lại trên hành trình sáng tạo, anh không còn là anh- người nghệ sĩ nữa. Luận cứ cũng là “lẽ thường” trong tâm lí con người: *anh muốn là anh, là người nghệ sĩ*. Vậy kết luận hướng tới là hàm ý khẳng định được trình bày trong câu hỏi tu từ: *anh không thể dừng lại trên hành trình tìm kiếm thơ ca*. Xét câu hỏi tu từ trong ngữ cảnh hẹp, tức các câu thơ trong bài ta thấy tác giả đối sánh việc nhà thơ đi tìm thơ ca như Ngư Lang đi tìm Chức Nữ, nhưng Ngư Lang thì chỉ cần qua một bến thì gặp được Chức Nữ, còn thơ ca thì không có bến nào cả, hết bến này sẽ đến bến khác: *Ngư Lang chỉ cần một cái bến con >< Anh cần cả dải Ngân Hà/ Anh đi dọc để tìm thơ >< (Ngư Lang) bơi ngang tìm Chức Nữ/ thời hạn đi tìm của anh hết >< bờ*

bến tít mù xa. Hành trình đến với thơ ca của nhà thơ có khi là vô vọng có khi có kết quả, nhưng không thể dừng lại, bởi đó chính là nghiệp thơ. CHTT thực hiện hành động khẳng định về chặng hành trình dài mà người nghệ sĩ phải trải qua để tìm kiếm thơ ca đồng thời triết lí về thiên chức của người nghệ sĩ và nghiệp chương của nghề thơ và bộc lộ sự sẻ chia cảm thông với những gian khổ của những người nghệ sĩ giàu tâm huyết.

Ở giai đoạn cuối đời, khi đã đi gần hết một cuộc hành trình, Chế Lan Viên cũng hay ngẫm suy và triết lí về sự đời, lẽ đời, về sự tồn tại. Ví dụ:

Có lúc đọc thẳng Kiều, có lúc đọc nghiêng nghiêng/ Đọc thẳng nghĩ về Kiều, đọc nghiêng nghĩ về ta vậy/ Sông Tiền Đường ai chẳng đi bên?/ Tên dẫu khác vẫn dòng thời gian ấy.(7, 302)

Cấu trúc *ai chẳng p* thường hướng tới hàm ý khẳng định sự việc mang tầm phổ quát với nhiều người: *Ai cũng p*. Vì vậy ở đây câu hỏi tu từ hướng tới hàm ý **khẳng định**: *Ai trong cuộc đời cũng phải trải qua sông Tiền Đường - Mọi người sống trong cuộc đời đều phải trải qua những phút giây thăng trầm đắng cay*. Hình ảnh sông Tiền Đường không còn giới hạn ở nghĩa đen như tên gọi là nơi cô Kiều đã quyên sinh để mong giải thoát khỏi cuộc đời đầy bất hạnh, đắng cay. Dòng sông trong văn hoá dân gian còn là biểu tượng chuyển tiếp giữa hai miền âm- dương, là không gian giải thoát của những cuộc đời oan trái. Sông Tiền Đường ấy cũng chính là dòng sông cuộc đời mà mỗi số phận đi qua đều phải mang ít nhiều đa đoan truân chuyên. Từ những hình ảnh tất yếu của khách quan phản ánh quy luật tự nhiên tác giả đã khái quát lên thành **triết lí** mang màu sắc Phật giáo do quan hệ đẳng cấp tương đồng: Cuộc đời là cõi đắng cay.

Hành động khẳng định - triết lí trong câu hỏi tu từ đã làm thơ Chế Lan Viên có chiều sâu tư tưởng và đậm chất trí tuệ, vấn đề triết lí được thực hiện một cách tự nhiên, không giáo điều khô cứng mà dễ đi vào lòng người đọc.

2.1.3. Hỏi-khẳng định-hối tiếc

Ở dạng CHTT có tình thái hỏi - khẳng định - hối tiếc trạng thái cảm xúc hối tiếc được biểu lộ rất đa dạng. Chế Lan Viên là nhà thơ hay dùng câu hỏi để lật ngược lại một vấn đề nào đó để rồi *tự trách* mình. Ví dụ:

Tôi ở đâu? Tôi đã làm gì?/ Đời thấp thoáng sau những trang sách Phật/ Đất nước đau dưới gót bầy ngựa Nhật/ Lạc giữa sao trời tôi vẫn còn mê (6, 314)

Hai câu hỏi, hai hành động hỏi được thực hiện liên tiếp. Tất nhiên đây là hành động tự vấn lương tâm nên không có hành động trả lời. Thực chất cả hai câu hỏi này đều thực hiện hành động **khẳng định**: *Tôi chưa làm được gì cho đất nước*. Từ sự khẳng định đó, CHTT thực hiện hành động **tự trách** của nhân vật trữ tình: *Mình vẫn mê muội trong cảnh ngộ riêng không biết đến cảnh đau thương của đất nước, không giúp gì được cho đất nước*. Ba câu thơ phía sau là ngữ cảnh hẹp thể hiện sự băn khoăn tự vấn của tác giả: *Đất nước đau dưới gót bầy ngựa Nhật >< Lạc giữa sao trời tôi vẫn còn mê*. Xuất phát từ ngữ cảnh lớn hơn, tức ngữ cảnh từ cuộc đời Chế Lan Viên (trước cách mạng Chế Lan Viên là người nghệ sĩ thuộc phái nghệ thuật vị nghệ thuật, tôn sùng cái đẹp siêu hình mà xa rời hiện thực cuộc sống) thì nhà thơ luôn có mặc cảm là người mắc nợ đối với tổ quốc khi đã có một thời kì mãi mê với những “*điều tàn*” của mộng tưởng mà quên đi “*điều tàn*” của hiện thực quê hương. Từ ngữ cảnh đó, ba CHTT trên còn thực hiện hành động bộc lộ cảm xúc: *hối lỗi và lên án bản thân*.

Luôn mang trong mình mặc cảm mắc nợ với nhân dân, với tổ quốc, nhiều khi Chế Lan Viên còn đặt ra hành động hỏi so sánh đến tiêu cực. Ví dụ: *Lấy bát cơm ngày mùa trả lời cho con đòi/Cái ấy thơ hơn hay những bài thơ rĩ rên về trận đói thơ hơn?* (6, 505).

Mô hình cấu trúc với liên từ *hay*: *p1 hay p2* theo (35, 250) điểm nhấn thường đặt ở đầu câu với hàm ý khẳng định: *p1 hơn*. Câu hỏi tu từ ở đây thực hiện hàm ý khẳng định: *Bát cơm trả lời cho con đòi thơ hơn* (thơ hơn = hữu ích hơn). Điều này cũng xuất phát từ một tiền giả định mang tính hiển nhiên theo quy luật xã hội:

khi đói thì người ta cần bát cơm, khi đời sống vật chất còn thiếu thốn thì giá trị tinh thần không phù hợp sẽ trở nên lạc lõng dư thừa. Thực tế phổ quát đó khiến hành động hỏi thực hiện ở câu hỏi tu từ thực chất là hành động *khẳng định*: *Bát cơm ngày mùa trả lời cho con đói hữu ích hơn thơ ca*. Sự khẳng định đó đồng thời thực hiện hành động bộc lộ cảm xúc *chua xót đến cay đắng* của người làm thơ khi nghĩ về giá trị của thơ ca. Hơn thế CHTT thực hiện hành động *tự trách* chua xót của nhà thơ về sự tồn tại lạc lõng của thơ ca đối với nhu cầu của cuộc sống trong những thời điểm nhất định và đặt ra yêu cầu về cái hữu ích và gần gũi của thơ ca đối với cuộc sống.

Tóm lại, các CHTT ở nhóm này đều thực hiện hành động biểu cảm với những sắc thái cảm xúc khác nhau như *ngợi ca*, *triết lí*, *tự trách*, *xót thương*... nhưng đều xuất phát chung từ hành động khẳng định chắc chắn nội dung sự tình được miêu tả trong mệnh đề. Hành động khẳng định trong mọi dạng cảm xúc đã thể hiện một góc cạnh trong tháp Bayon bốn mặt của con người Chế Lan Viên - một tâm hồn dữ dội, mãnh liệt trong cả tình yêu và nỗi đau, một tiếng nói luôn có nhu cầu được khẳng định mọi điều.

2.2. Các kiểu hành động hỏi-phủ định được thực hiện bằng câu hỏi tu từ trong thơ Chế Lan Viên

Với nghĩa “*bác bỏ sự tồn tại, sự cần thiết của cái gì đó*” (5), phủ định thực chất cũng là khẳng định một cái gì đó. Phủ định A có nghĩa là khẳng định cái không A. Tuy nhiên hành động phủ định chính là cách bộc lộ sự khẳng định thêm mạnh mẽ, quyết liệt hơn. Dưới đây là một số dạng câu hỏi tu từ thực hiện hành động hỏi - phủ định chính trong thơ Chế Lan Viên.

2.2.1. Hỏi-phủ định-cảm thương

Đứng trên góc độ dân tộc để cảm thương cho những nỗi đau lớn, các CHTT Chế Lan Viên đặt ra mang tầm nhân loại. Ví dụ:

Trời và bể, anh và em, cây và người cùng đối xứng / Nhưng B52 và sinh mệnh trẻ em cùng đối xứng là bao? (2, 337)

Nội dung mệnh đề của câu hỏi tu từ nêu lên hai đối tượng” B52 và sinh mệnh trẻ em. Một

bên là kẻ huỷ diệt, một bên là mầm sống, là tương lai, rõ ràng hai đối tượng này không cùng một trận tuyến, không cùng đối xứng. Bản thân hai đối tượng đã phủ định lẫn nhau nên câu hỏi thực chất đã thực hiện hành động *phủ định*: bom B52 và trẻ em không cùng đối xứng. Nhưng lẽ thường hiển nhiên vẫn tồn tại trong thực tế là hàng ngày hàng tấn bom vẫn rơi và lấy đi bao sinh mạng trẻ thơ. Hành động hỏi vì thế giờ đây bộc lộ cảm xúc *xót thương*. Đồng thời với sự cảm thương, người đọc còn thấy ở đó hành động *lên án* của tác giả đối với bọn người vô lương tâm. Câu thơ Chế Lan Viên là tình cảm lớn của ông không chỉ dành cho đất nước Việt Nam trong buổi chiến tranh mà rộng hơn dành cho cả nhân loại, cho bất cứ mảnh đất nào còn văng tiếng bom rơi.

Như triệu người dân Việt Nam khác, Chế Lan Viên cũng có niềm hạnh phúc tốt độ khi nước nhà độc lập. Nhưng tại thời điểm đó, hạnh phúc không phải là trạng thái tình cảm duy nhất. Ví dụ:

Phải trăm năm mới có ngày độc lập/ Ai đếm hết chuỗi người lên máy chém lúc hưng đông? (2, 343)

Câu hỏi tu từ được đặt trong một ngữ cảnh rộng: Để giành được độc lập cho dân tộc, cả đất nước Việt Nam đã phải trải qua rất nhiều nỗi đau và sự hi sinh mất mát. Ngữ cảnh hẹp trong hai câu thơ cho ta nghĩa tường minh với sự mất cân đối giữa hai vế: trăm năm + chuỗi người lên máy chém = 1 ngày độc lập. Hành động hỏi vì vậy đã bao hàm sẵn hành động *phủ định*: *Không ai đếm hết được số người đã hi sinh cho ngày độc lập hôm nay*. Giữa phút giây hạnh phúc của dân tộc, Chế Lan Viên lắng mình một phút để nghe nỗi đau về cái giá phải trả. Đó còn là cảm xúc *cảm thương* cả đất nước dành cho những người con đã hi sinh. Đằng sau cảm xúc cảm thương còn là sự *ngợi ca* công ơn của những người đã ngã xuống và đề cao giá trị độc lập dân tộc.

Nỗi đau này trở đi trở lại trong thơ Chế Lan Viên, cả ở những bài thơ dặn con: Con vẫn nằm trong tầm mắt của cha khi con đau khổ hay là khi hạnh phúc/ Còn như mồ cha cái bình tro xương cha/ Có phải cha đâu? (7, 429).

Mô hình cấu trúc: *Có phải p đâu* thường trở hàm ý bác bỏ phủ định: *đây không phải là p*. CHTT ở đây vì vậy thực hiện hành động *phủ định, bác bỏ*: *mồ cha cái bình tro xương cha (= hình hài cha mà con nhìn thấy) đó không phải là cha*. *Nắm mồ, bình tro xương* là những dấu tích còn lại, nhưng nó lại không chứng tỏ sự tồn tại của ông. Sự tồn tại của ông lại nằm ở một thứ vô hình, đó là tình yêu ông dành cho các con (*Khi con đau khổ + con hạnh phúc*): *con vẫn nằm trong tấm mắt cha*. Không thể hiện được ngay cả tình yêu của mình thì cái điều chứng tỏ sự tồn tại của ông cũng hoá thành hư vô. Quan hệ lập luận nghịch hướng: *những thứ vô hình như nỗi buồn/hạnh phúc của con cha đều biết nhưng chút hình hài thân xác còn lại mà các con nhìn thấy lại chẳng phải là của cha* đã đồng thời giúp câu hỏi tu từ bộc lộ nỗi đau về sự hư vô thân xác và khẳng định sức mạnh mãnh liệt của những tình cảm thiêng liêng vượt lên cả sự hư vô về thân xác, ở đây là tình phụ tử.

2.2.2. Hỏi-phủ định-than

Trong những năm tháng đi theo kháng chiến, hiểu sâu sắc hơn nỗi đau mất nước, Chế Lan Viên nhớ về lịch sử hàng nghìn năm mà than tiếc cho phút giây hiện tại:

*Những trang sách nước nhà do tay giặc viết/
Trống đồng ơi người có ích chi?/Thừa bốn
nghìn năm mà thiếu một ngày độc lập/
Thì trống đồng được lại chôn đi* (7, 564)

Mô hình cấu trúc *p+chi ?* thường hay mang hàm ý phủ định bác bỏ: *không p*. Ở đây đặt trong ngữ cảnh rộng thì trống đồng là biểu tượng văn hoá hàng nghìn năm của lịch sử dân tộc Việt Nam. Vì thế hàm ý phủ định của câu hỏi tu từ: *Trống đồng không có ích trong thời điểm hiện tại* chắc chắn sẽ gây ngạc nhiên và bất đồng với mọi người. Tuy nhiên xét trong ngữ cảnh gần (bài thơ ra đời trong thời điểm đất nước bị xâm lăng, nhiều giá trị tinh thần quý giá bị bom đạn phá hủy) và ngữ cảnh hẹp là các câu thơ phía dưới: *Trang sách nước nhà >< do tay giặc viết; Thừa bốn nghìn năm >< thiếu một ngày độc lập; Trống đồng được >< chôn đi* thì có thể hiểu ra hàm ý phủ định còn xen lẫn cả cảm xúc xót xa đau thương than thở trước tình cảnh lâm than dân tộc. Trống đồng là biểu

tượng lịch sử hào hùng của dân tộc ta. Nhưng phút giây hiện tại thì nước nhà đang mất độc lập. Lịch sử nghìn năm oai hùng không đáp ứng được nỗi đau thương hiện tại của dân tộc. Câu hỏi tu từ đi vào tình cảm để rồi thúc giục hành động của người đọc (nhất là độc giả đương thời): hãy làm gì đó để bảo vệ dân tộc, bảo vệ giá trị lịch sử nghìn đời của trống đồng. Câu hỏi tu từ giờ đây mang cả hàm ý khuyến dụ.

Là con người nhiều tài năng, Chế Lan Viên nhiều khi phải thấy phiền lòng vì chính sự nổi trội hơn người của mình. Ví dụ:

*Anh như con hươu soi vào đầu cũng thấy cặp
sừng mình không chỗ giấu/ Mà chỉ có cặp sừng
này là bảo vật, giấu sao hươu?/ Chả qua là anh
sợ cặp sừng kênh càng chơi trội khi đi ngang
rừng có làm phiền cho lá cành cho đồng loại/
Đêm soi mình trong suối, anh cũng ngại chạm
rong rêu.* (7, 367)

Mô hình cấu trúc *p sao ?* thường mang hàm ý: *không thể p*. Vì thế ở đây câu hỏi đã thực hiện hành động *phủ định*: *Hươu không thể giấu được cặp sừng của mình và anh cũng không giấu được tài năng của mình vậy*. Cặp sừng là bảo vật của hươu, là giá trị để hươu không lẫn với nai, ngựa... Tài năng là giá trị con người anh. Nhưng anh sợ rằng chính tài năng của mình sẽ làm phiền cho bao nhiêu kẻ khác và gây nên sự ngại ngùng lạc lõng cho chính bản thân anh. Nhưng giấu nó đi, anh không còn là anh nữa. Tài năng không giúp con người tự hào mà còn khiến cá nhân anh phiền não - quả thật nghịch lí! Chính điều nghịch lí này cho thấy CHTT đã thực hiện hành động biểu cảm *than thở*.

Phủ định để cảm thương và phủ định để than tiếc là những hành động bộc lộ cảm xúc gần giống nhau. Bởi cả hai đều bắt nguồn từ cảm xúc lớn hơn, đó là nỗi đau. Tuy nhiên không phải sự cảm thương nào cũng cất lên tiếng than và không phải sự than vãn nào cũng biểu hiện sự thương xót. Đó chính là lí do để chúng tôi tách thành hai dạng hành động - phủ định thực hiện qua CHTT thơ Chế Lan Viên: Hỏi - phủ định - cảm thương và Hỏi - phủ định - than.

2.2.3. Hỏi-phủ định-ngợi ca

Giá trị ngợi ca trong câu hỏi tu từ thực hiện hành động hỏi- phủ định bao giờ mang sức mạnh tuyệt đối, mạnh mẽ thuyết phục hơn so với giá trị ngợi ca bộc lộ qua hành động hỏi-khẳng định. Ví dụ:

Lấy hào quang xưa mà đánh giá hào quang mới/ Nhưng làm sao có thể đo được thế kỉ xưa cùng với thế kỉ này?/ Lịch sử, sự chỉ hồng. Ta xâu các chiến công như ngọc vào đây/Viên ngọc thời Hồ Chí Minh chói ra khỏi cả thời gian nó chói (7, 660).

Mô hình cấu trúc *làm sao có thể p ?* thường mang hàm ý phủ định bác bỏ *không thể nào p*. Câu hỏi tu từ ở đây đã thực hiện hành động *phủ định*: *không thể đo thế kỉ xưa cùng với thế kỉ này - không thể sánh hào quang trong quá khứ với hào quang chói lọi hôm nay*. *Lấy lịch sử, sự chỉ hồng* ra làm thước đo đánh giá, sự phủ định này hoàn toàn thuyết phục. Càng thuyết phục hơn khi bài thơ được cất lên từ niềm hạnh phúc vô biên ở phút giây hiện tại của “*ngày vĩ đại*” (nhân đề bài thơ, sáng tác ngày 3.5.1975) - thời điểm cả đất nước tràn ngập trong niềm hạnh phúc độc lập và thống nhất. Vì thế câu hỏi tu từ đồng thời thực hiện hành động bộc lộ cảm xúc *ngợi ca* về sức mạnh dân tộc ca ngợi chiến công rực rỡ huy hoàng thời đại Hồ Chí Minh.

Chế Lan Viên ngợi ca thời đại hào quang rực rỡ và cả những phút giây lặng lẽ âm thầm: *Cân với tiếng bom gần và pháo cấp tập bên ngoài chả lẽ ôm mặt khóc?/ Các cô gái đến bên giường, vuốt ve từng bàn tay khuôn mặt/Và nhớ lại giọng dân ca quê mùa các cô hát/Chúng ta đang đánh giặc mà đâu chịu vô phương(7, 439)*

Từ “*chả lẽ*” bao giờ cũng thể hiện mức độ tin tưởng thấp với nội dung mệnh đề sau nó, vì vậy mô hình cấu trúc *chả lẽ + p* thường sẽ mang hàm ý phủ định bác bỏ: *không thể nào p được*. CHTT ở đây vì thế đã thực hiện hành động *phủ định* mạnh mẽ: *Tiếng khóc không thể cân sức với tiếng pháo bom được*. Vậy cái gì sẽ át được tiếng bom? *Cân bằng với tiếng bom* chính là tiếng hát, câu hát dân ca ngàn xưa của dân tộc. Ở đây thông qua CHTT tác giả thực hiện hành động bộc lộ cảm xúc *ca ngợi* tình thần lạc quan và sự dẻo dai, quả cảm của các cô gái thanh niên

xung phong đồng thời nêu lên chân lí: *Đôi mắt với sự khốc liệt của chiến tranh đòi hỏi con người ta phải có tinh thần lạc quan và sự quả cảm*.

Thông qua hành động hỏi- phủ định đề ngợi ca, cảm xúc ngợi ca trong thơ Chế Lan Viên có một sức thuyết phục mạnh mẽ với người đọc.

2.2.4. Hỏi-phủ định-trách móc

Chế Lan Viên là người hay lấy cái tôi của mình ra để phê bình trách cứ. Trong cái Tôi - bốn mặt tháp Bayon, thì cái Tôi - nhà thơ thường bị ông mổ xẻ nhiều nhất:

Chim định hướng đường bay/Ngày theo mặt trời/Đêm theo lửa các vì sao/Còn anh định hướng câu thơ chỉ bởi anh thôi/Xoàng thế/Chả lẽ anh lấy anh ra mà dặt dằn?(7, 574)

Mô hình cấu trúc *chả lẽ + p* lại một lần nữa xuất hiện báo hiệu hàm ý phủ định của câu hỏi tu từ: *Anh không thể nào lấy cái tôi chủ quan để định hướng thơ ca của mình*. Mặt khác xét ngữ cảnh rộng thì quan niệm nghệ thuật của chủ nghĩa Mác-xít là người nghệ sĩ phải gắn bó với cuộc sống, phản ánh hiện thực khách quan và tìm ở đó lí tưởng sáng tác chứ không phải cái tôi chủ quan. Xét ngữ cảnh hẹp, phía dưới CHTT là các câu thơ chứa đựng so sánh ngầm về sự định hướng sáng tác của anh và đường bay của chim. Ánh sáng mặt trời trên cao là phi tiêu định hướng đường bay của chim là mặt trời, là ánh sao - những nguồn sáng vĩnh cửu, bất tận của thiên nhiên. Còn định hướng câu thơ của anh chỉ bó hẹp trong cái tôi nhỏ bé. Sự so sánh không đồng hướng đó đã dẫn lối đề câu hỏi tu từ thực hiện hành động *chê trách* về sự chật hẹp tù túng, bế tắc trong ý tưởng sáng tác và kêu gọi người nghệ sĩ: *Đề tác phẩm của mình có thể thăng hoa, cất cánh không được lấy cái tôi chật hẹp để dặt dằn mà cần định hướng bằng lí tưởng cao đẹp*.

Với những giây phút bế tắc trong nghiệp cầm bút của mình, ông có thái độ phê bình rất nghiêm túc. Ví dụ:

Khung dệt thơ anh không còn con thoi/Thoi dệt thơ anh không còn đố sợi/Sợi thơ hồn anh không làm ra vải/Thế anh ngồi chi bên thành

khung cử?/Không dệt ra thơ, không dệt ra lời(7, 690)

Xưa nay nhân gian vẫn quan niệm người làm thơ cũng chính là người thợ dệt ngôn từ để làm nên “tấm vải” thi ca cho nhân loại. Nhưng xét ngữ cảnh hẹp, trước CHTT là 3 câu phủ định miêu tả hiện trạng của anh - nhà thơ - người dệt vải: *Khung dệt thơ anh không còn con thoi; Thoi dệt thơ anh không còn đố sợi; Sợi thơ anh không làm ra vải* sau CHTT cũng là câu phủ định *Anh không dệt ra thơ, không dệt ra lời*. Người nghệ sĩ lúc này như người thợ dệt không có cả nguyên liệu, dụng cụ và thành phẩm. Chính hiện trạng đó kết hợp với mô hình cấu trúc *p + chỉ bao giờ hàm ý bác bỏ không nên p* đã làm cho CHTT phía dưới thực hiện được hành động *phủ định* gay gắt: *Khi hồn thơ anh không dệt nên trang thơ thì anh không phải là nhà thơ đâu anh có mang “khung cử”- chức danh đó bên mình*. Câu thơ đồng thời thực hiện hành động *bộc lộ* cảm xúc *tự trách* về “*cái tôi vô tích sự*” của người nghệ sĩ cạn nguồn sáng tạo → Khi anh không thể sáng tạo được nữa nghĩa là anh đã không làm tròn thiên chức nghệ sĩ của mình.

P phủ định thực ra cũng là một cách nói khác của khẳng định nhưng nó hành động hỏi - phủ định thực hiện rõ hơn tính đối thoại văn bản thơ. Qua hành động hỏi - phủ định trong CHTT, ngôi bút Chế Lan Viên thể hiện sự sắc sảo trong lí luận, chín chắn trong suy nghĩ và luôn có nhu cầu đào sâu lật ngược lại mọi vấn đề.

3. Kết luận

Hành động xác tín thực hiện qua câu hỏi tu từ thơ Chế Lan Viên với hai dạng thức cơ bản hỏi - khẳng định, hỏi - phủ định cho thấy hồn thơ Chế Lan Viên luôn có nhu cầu khái quát, khẳng định mọi sự việc hiện tượng cuộc sống với dạng thức biểu đạt uyển chuyển và giàu cảm xúc nhất. Thực hiện hành động xác tín qua hành động hỏi cho thấy đây là kênh giao tiếp tế nhị,

thể hiện mức độ khách quan của sự việc, từ đó nội dung xác tín gây ấn tượng mạnh và dễ dàng thuyết phục người đọc.

Hành động xác tín được thực hiện qua hành động khẳng định thường bộc lộ cảm xúc tích cực chủ thể phát ngôn với nội dung mình xác tín còn khi được thực hiện qua hành động phủ định thì nội dung xác tín được xác nhận mạnh mẽ, song phần nhiều vẫn vương vất cảm xúc xót xa. Mỗi câu hỏi tu từ không chỉ thực hiện trực tiếp hành động xác tín mà còn sử dụng tầng bậc các hành vi phương tiện như: hành động hỏi - xác tín - phủ định - ngợi ca - khuyên dụ. Khai thác đích ngôn trung tận cùng của phát ngôn mục đích tiểu luận thấy được sự tinh tế, hàm súc của thơ ca và sự thông minh, đa cảm của chủ thể phát ngôn - nhà thơ Chế Lan Viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu (chủ biên)(2002), *Đại cương ngôn ngữ học - Tập II : Ngữ dụng học*- Nxb Giáo dục, H.
2. Đỗ Hữu Châu (2005), *Toàn tập*, Tập I, Nxb Giáo dục, H.
3. Đỗ Hữu Châu (2005), *Toàn tập*, Tập II, Nxb Giáo dục, H.
4. Cao Xuân Hạo (1991), *Tiếng Việt, sơ thảo ngữ pháp chức năng*, Quyển I, Nxb Khoa học Xã hội, H.
5. Hoàng Phê (2003), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
6. Chế Lan Viên (2002), *Chế Lan Viên toàn tập*- Tập I- Nxb Văn học.
7. Chế Lan Viên (2002), *Chế Lan Viên toàn tập*- Tập II- Nxb Văn học.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 26-01-2014)